

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10 /2022/DSST

Ngày: 18/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

+ Các HTND:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Ông Ngô Văn Bê

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 25/3/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 20 ngày 21/4/2022. giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 586, đường Xương Giang, tổ dân phố Nam Giang, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Ma Văn T, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Thôn Na Hiên, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. (Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan) Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2021 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị H) trình bày:

Năm 2011 bà H và anh Ma Văn T có hợp tác cùng nhau mở cửa hàng kinh

doanh nội thất ô tô (may mui, bạt, đệm ô tô) tại nhà bà H ở số nhà 586, đường Xương Giang, tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang.

Anh T đã vay của bà 3 cây vàng SJC để mở cửa hàng vào ngày 06/5/2011 (trong đó có một cây vàng vay để cưới em trai). Đến ngày 14/1/2014 Anh T tiếp tục vay của bà H số tiền 70.000.000đồng. Trong quá trình làm ăn thường xuyên không có lãi, Anh T đã bỏ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 5/2018. Đến tháng 7/2019 Anh T đã gửi về trả cho bà H được 1 cây vàng SJC. Từ đó đến nay bà H đã điện thoại đòi nhiều lần nhưng Anh T không trả.

Việc thỏa thuận góp vốn: Hai bên chung nhau góp vốn kinh doanh, khi mở cửa hàng mỗi bên sẽ góp 1 cây vàng SJC, lúc đó Anh T không có tiền nên bà H đã bỏ ra 02 cây vàng SJC để làm vốn kinh doanh nên Anh T đã ký kết giấy nhận nợ cá nhân, trong đó Anh T trình bày nhận vay của bà 1 cây vàng SJC để chung vốn mở cửa hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2022 bà H khai: Việc quản lý thu chi cửa hàng thì bà H và Anh T thỏa thuận, Anh T là người trực tiếp thu chi kinh doanh, sau đó đến cuối ngày thì Anh T có trách nhiệm báo cáo với bà về các khoản thu chi trong ngày để bà ghi vào sổ. Sổ ghi chép tiền thu sau khi trừ các khoản chi thì do bà H quản lý, đến cuối tháng thì bà H cùng Anh T tổng hợp lại các khoản thu chi, cùng cân đối và chia lãi cho nhau.

Công việc làm ăn chung ở cửa hàng thì hàng tháng đều thanh toán sòng phẳng các khoản thu chi, còn số tiền bà khởi kiện Anh T là số tiền bà đã ứng cho Anh T để chi tiêu và xử lý công việc cá nhân của Anh T, không liên quan đến việc lỗ lãi trong kinh doanh cửa hàng.

Riêng các tài sản, vật tư, vật liệu và máy móc phục vụ cho kinh doanh hiện bà H đang cất giữ, do Anh T đang ở nước ngoài nên chưa thể thanh lý hợp đồng với nhau được, đồng thời bà H cũng chưa yêu cầu tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này, khi nào có yêu cầu và xảy ra tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Giấy nhận nợ đề ngày 14,15/01/2014, là do Anh T trực tiếp viết và ký giấy nhận nợ với bà, trong đó bao gồm 3 cây vàng (2 cây vàng góp vốn làm ăn chung, 1 cây vay đem về để cưới anh em trai) và số tiền 70.000.000đồng. Trong giấy nhận nợ không có thỏa thuận gì về thời hạn trả và lãi suất.

Nay bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang buộc Anh T phải trả cho bà 2 cây vàng SJC trị giá 112.000.000đồng và 70.000.000đồng tiền vay, tổng trị giá 182.000.000đồng, bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

- Bị đơn anh Ma Văn T: Do Anh T đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định cho Anh T nhưng Anh T không cung cấp và không có quan điểm gì.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh Ma Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc đã vay là 182.000.000 đồng, bà H tự nguyện rút yêu cầu trả lãi, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử về yêu cầu tính lãi.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

*Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định Bộ LTTDS. Thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng; thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành các thủ tục tố tụng khác đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Nguyên đơn: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ LTTDS

Bị đơn: Chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ LTTDS.

*Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H buộc anh Ma Văn T phải trả bà H tổng số tiền gốc là 182.000.000 đồng (Trong đó 02 cây vàng SJC tương đương 112.000.000 đồng và 70.000.000 đồng).

Đình chỉ yêu cầu về việc đòi lãi của bà Nguyễn Thị H đối với Anh T.

Về án phí DSST: Anh Ma Văn T phải chịu số tiền 9.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa mặc dù đã được tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nên áp dụng Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 06/5/2011 giữa bà H và Anh T có lập hợp đồng hợp tác kinh doanh với mục đích để mở cửa hàng kinh doanh nội thất ô tô- may mui bạt đệm ô tô; quá trình thực hiện hợp đồng thì đến ngày 14,15/01/2014 hai bên

có viết biên nhận vay vàng và tiền mặt với nhau. Do vậy xác định đây là hợp đồng vay tài sản để xem xét giải quyết.

[3]. Về nội dung: Bà H trình bày năm 2011 bà H và Anh T có cùng nhau hợp tác kinh doanh để mở cửa hàng nội thất ô tô tại nhà bà H ở số nhà 586, đường Xương Giang, tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang. Riêng các tài sản, vật tư, vật liệu và máy móc phục vụ cho kinh doanh hiện bà H đang cất giữ, do Anh T đang ở nước ngoài nên chưa thể thanh lý hợp đồng với nhau được, đồng thời bà H cũng chưa yêu cầu tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này, khi nào có yêu cầu và xảy ra tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Bà H cung cấp được giấy biên nhận nợ do Anh T viết và ký đề ngày 14,15/01/2014 có nội dung “Anh T vay của bà H 03 cây vàng SJC (2 cây đầu tư vốn cửa hàng và 1 cây vàng đem về để cưới em trai) và vay thêm 70.000.000đồng.

Trong quá trình làm ăn thường xuyên không có lãi, Anh T đã bỏ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 5/2018. Bà H xác định vào tháng 7/2019 Anh T đã gửi về trả cho bà được 01 cây vàng SJC. Từ đó đến nay bà H đã điện thoại đòi nhiều lần nhưng Anh T không trả.

Nay bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang buộc anh Ma Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà 02 cây vàng SJC có trị giá 112.000.000đồng và số tiền 70.000.000đồng, tổng trị giá 182.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định bà H cho Anh T vay tổng số 3 cây vàng SJC và số tiền 70.000.000đồng.(Anh T đã trả được cho bà một cây vàng). Nay bà yêu cầu Anh T phải trả bà 2 cây vàng SJC tương đương số tiền 112.000.000đồng và số tiền 70.000.000đồng, tổng cộng là 182.000.000đồng tiền gốc là có căn cứ.

Tại phiên tòa bà H tự nguyện rút yêu cầu trả lãi, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử về yêu cầu tính lãi.

Do vậy cần buộc anh Ma Văn T phải trả bà Nguyễn Thị H tổng số tiền gốc là 182.000.000 đồng, lãi suất không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí DSST: Anh T phải chịu số tiền 9.100.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc anh Ma Văn T phải trả bà Nguyễn Thị H tổng số tiền gốc là 182.000.000đồng.

2.Đình chỉ xét xử về yêu cầu trả lãi của bà H đối với Anh T theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

3.Về án phí DSST: Anh T phải chịu số tiền 9.100.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CụcTHADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Văn Quyết

